

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng
Tiểu dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về việc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) ban hành kèm theo Quyết định số 5095/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/12/2016;

Căn cứ Quyết định số 4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” WB8 do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Tiểu dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Công văn số 2155/BNN-TCTL ngày 14/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc bổ sung danh mục các hồ chứa thuộc Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Nam và ý kiến đồng thuận của Ngân hàng Thế giới qua email ngày 11/5/2021;

Căn cứ Công văn số 7349/BNN-TCTL ngày 05/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ý kiến đối với hồ sơ Báo cáo NCKT hồ Đông Tiển,

Trung Lộc và Dùi Chiêng thuộc Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Nam - dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8);

Xét hồ sơ kèm theo Tờ trình số 1216/TTr-BQLNNPTNT ngày 22/11/2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam về việc trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 436/TTr-SNN&PTNT ngày 30/12/2021 (kèm theo kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng tại văn bản số 3297/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 30/12/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng Tiểu dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Quảng Nam, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung: Bổ sung nâng cấp, sửa chữa 03 hồ chứa nước Đông Tiễn, Trung Lộc và Dùi Chiêng.

2. Loại và cấp công trình:

a) Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT (công trình thủy lợi).

b) Cấp công trình:

TT	Tên hồ chứa	Cấp công trình	Địa điểm xây dựng
1	Đông Tiễn	II	Xã Bình Trị, huyện Thăng Bình
2	Trung Lộc	III	Xã Quế Trung, huyện Nông Sơn
3	Dùi Chiêng	III	Xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn

3. Giải pháp thiết kế xây dựng công trình của 03 hồ bổ sung:

a) Các chỉ tiêu thiết kế, thông số kỹ thuật chủ yếu: *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

b) Giải pháp kỹ thuật và hình thức kết cấu:

- Hồ chứa nước Đông Tiễn:

+ Xử lý chống thấm thân và nền đập bằng biện pháp khoan phụt vữa xi măng + sét. Chiều dài khoan phụt trên đập chính 1 là 270m; đập chính 2 là 165m. Kết cấu khoan phụt gồm 3 hàng mỗi hàng cách nhau 1,5m, các lỗ khoan bố trí mắt cáo cách nhau 1,5m. Chiều sâu phụt vữa đập chính 1: từ (12,6 ÷ 31) m, đập chính 2: từ (19,8 ÷ 25,5) m, đảm bảo khoan sâu vào lớp không thấm trung bình 3m.

+ Xử lý thoát nước thân đập: Nối dài vật thoát nước hiện trạng phía sau đống đá tiêu nước về phía hạ lưu thêm 10m, dọc theo chân đập chính 1 trung bình: 40m, dọc theo chân đập chính 2 trung bình: 45m, kết cấu tầng lọc từ trên xuống; đá hộc dày 70cm, đá dăm lọc 30cm và cát lọc dày 30cm.

+ Bố trí thiết bị quan trắc chuyển vị, thấm, đo mưa, mực nước,... và thực hiện

một số nội dung theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

- Hồ chứa nước Trung Lộc:

+ Đập đất:

. Nâng cấp đập áp trực mở rộng thân đập về phía hạ lưu, đảm bảo chiều rộng mặt đập 5,55m, cao trình mặt đập +27,2m, trên đập bố trí tường chắn sóng cao 0,5m, cao trình đỉnh TCS +27,7m. Đất đắp lu lèn chặt đạt $K \geq 0,97$, mặt đập đổ bê tông M250 bảo vệ mặt đập kết hợp giao thông, dày 20 cm, dưới lót nilông và lớp cấp phối đá dăm dày 15cm, phía hạ lưu bố trí gờ chắn bánh.

. Mái thượng lưu: Tháo dỡ mái đập cũ, gia cố lại mái thượng lưu đập với kết cấu: Hệ số mái $m = 3$, từ cao trình +15,1m đến cao trình +24,3m (thấp hơn MNDBT 50cm) gia cố đá lát dày 30 cm trong hệ thống khung giằng dọc ngang bằng bê tông cốt thép M250, kích thước (25x55) cm, dưới đá là tầng lọc gồm lớp dăm lọc dày 15cm, lớp cát lọc dày 15cm. Phần mái từ cao trình +24,3m đến đỉnh đập +27,2m gia cố bằng bê tông đổ tại chỗ M250 dày 12cm, cắt khe kích thước 2x1(m), dưới là 2 lớp lọc kết cấu như dưới mái đá lát.

. Mái đập hạ lưu: Trồng cỏ bảo vệ trong hệ thống rãnh thoát nước bê tông M200 kích thước (15x15) cm dày 10 cm, chia ô (5x5)m², rải lớp đất màu dày 10cm phục vụ trồng cỏ. Trên mái có cơ đập tại cao trình +20,9m, chiều rộng cơ 3,0m và cơ phụ tại cao trình +17,1m chiều rộng 5,2m, hệ số mái từ trên xuống hệ số mái $m_1=2,75$, $m_2,3=3,0$, bố trí đầy đủ rãnh thoát nước vai và cơ đập kết cấu bê tông cốt thép M250, mặt cắt bxxh = (40x50) cm.

. Thoát nước thân đập: Bố trí vật thoát nước bổ sung hình thức gờ phẳng kết hợp đồng đá tiêu nước và thoát nước áp mái trên đoạn từ K0+215,2 đến K0+353,1. Gờ phẳng dài trung bình 5m, kết cấu gồm các lớp: cát lọc dày 30cm, dăm lọc dày 30cm, lớp đá 4x6 cm dày 50cm, nối tiếp sau gờ phẳng là đồng đá đỉnh rộng 2,5m, cao trình đỉnh +17,1, mái đổ $m=2$, phía trên đồng đá có vật thoát nước áp mái gồm các lớp đá lát 30cm, dăm lọc 15cm, cát lọc 15 cm.

. Xử lý chống thấm: Xử lý thấm phía vai phải và vai trái bằng biện pháp khoan phụt chống thấm nền và thân đập vị trí lỗ rò gồm 3 hàng khoan, mỗi lỗ khoan cách nhau 1,5m, phụt vữa xi măng + sét. Phạm vi khoan phụt xử lý thấm tổng chiều dài 255m (từ K0+99 đến K0+354), chiều sâu khoan phụt trung bình $H = 20,0m$.

+ Trần xả lũ:

. Nâng cấp trần hiện trạng với các nội dung chính: Đánh xøm vệ sinh mặt ngưỡng, toàn bộ thân dốc nước khoan cấy thép liên kết đổ bọc lại trần cũ bằng bê tông cốt thép M300, dày 20cm. Xây mới cửa vào trần bằng bê tông cốt thép M300, tháo dỡ cầu giao thông cũ nâng cấp mở rộng cầu lên đạt $B=4,45m$, thay mới cửa van bằng thép SUS201 đóng mở bằng dàn máy vận hành điện kết hợp quay tay. Bố trí rãnh thoát nước, gia cố chống xói bề mặt và lan can bảo vệ trên toàn bộ dốc nước, đảm bảo an toàn quản lý vận hành.

. Nạo vét, gia cố đoạn kênh xả lũ sau trần dài 412m, mặt cắt hình thang đáy

rộng 8m, chiều cao cột nước $H=1,8\text{m}$, độ dốc đáy $0,5\%$ mái đào $m=1,5$, gia cố 2 mái bằng đá lát khan dày 30 cm, dưới lót vải lọc trong khung bê tông cốt thép M200; giữ chân mái bằng rọ đá rộng 1m, các đoạn đá gốc nông thiết kế chân khay bằng bê tông. Xây dựng mới cống qua đường liên thôn cuối kênh xả; kết cấu cống hộp bê tông cốt thép M300 hai khoang kích thước $b \times h = (3,5 \times 2,85) \times 2\text{m}$, đảm bảo thoát nước và giao thông nội vùng.

+ Cống lấy nước:

Tháo dỡ cống cũ, xây dựng mới lại cống lấy nước ngay vị trí cống cũ hình thức cống ngầm chảy có áp dài 74,2m, cao độ đáy ngưỡng vào +16,6m, cao độ đáy ngưỡng ra +16,3 m. Kết cấu cống tròn bằng ống thép D700 dày 6mm, bên ngoài bọc bê tông cốt thép M300, điều tiết nước bằng 2 van D500 đặt trong nhà van ở hạ lưu cống. Nối tiếp sau cửa ra cống là đoạn kênh dẫn dài 202,7m kết cấu kênh bê tông kích thước $b \times h = (0,8 \times 1)\text{m}$, mặt trên đặt đan bê tông M200.

+ Đường quản lý:

Nâng cấp mở rộng hai tuyến đường vào vai phải đập với tổng chiều dài 274,4m. Kết cấu nền đường rộng 5m, mặt đường rộng 3,5m bằng bê tông M300 đá 1x2, dày 20cm, dưới lót ni lông và cấp phối đá dăm dày 15cm, lề mỗi bên 0,75m, bố trí rãnh thoát nước dọc hai bên tại các đoạn cần thiết.

+ Nhà quản lý:

Công trình dân dụng cấp III, 01 tầng, diện tích xây dựng $69,44\text{m}^2$; chiều cao 4,9m; kết cấu móng đơn, khung dầm, sàn BTCT đá 1x2 B20 kết hợp lợp mái tôn, xà gồ thép; tường xây gạch không nung VXM M75, hoàn thiện sơn nước 3 lớp không bả; nền lát gạch men, tường trong nhà vệ sinh ốp gạch ceramic; bố trí hệ thống cấp, thoát nước, cấp điện hoàn chỉnh; hầm tự hoại xây gạch thẻ không nung. Sân bê tông đá 1x2 B12.5 dày 10cm, diện tích: $76,84\text{m}^2$. Tường rào, cổng: tổng chiều dài $L=60\text{m}$; tường rào dạng lưới đan ô vuông có trụ BTCT, cao 2m; trụ cổng BTCT đá 1x2 B15 ốp gạch không nung; cổng song sắt mở quay.

+ Bố trí thiết bị quan trắc chuyển vị, thấm, đo mưa, mực nước,... và thực hiện một số nội dung theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

+ Tuyến cáp điện: xây dựng mới khoảng 200m tuyến đường dây cáp điện ngoài nhà, cáp hạ thế 0,4kV; bố trí 01 máy phát điện dự phòng công suất 10 KVA.

+ Bố trí thiết bị quan trắc chuyển vị, thấm, đo mưa, mực nước,... và thực hiện một số nội dung theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

- Hồ chứa nước Dùi Chiêng:

+ Đập đất:

. Nâng cấp đắp áp trực mở rộng thân đập về phía hạ lưu, đảm bảo chiều rộng mặt đập 5,55m, cao trình mặt đập +26,2m, trên đập bố trí tường chắn sóng cao 0,8m, cao trình đỉnh tường chắn sóng +27,0m. Đắp lu lèn chặt đạt $K \geq 0,97$, mặt đập đổ bê tông M250 bảo vệ mặt đập kết hợp giao thông, dày 20 cm, dưới lót ni lông và lớp cấp phối đá dăm dày 15cm, phía hạ lưu bố trí gờ chắn bánh.

. Mái thượng lưu: Hệ số mái $m=3$, gia cố mái thượng lưu đập với kết cấu: Từ cao trình +17,75m đến cao trình +22,45m (thấp hơn MNDBT 50cm) gia cố đá lát dày 30 cm trong hệ thống khung giằng dọc ngang bằng bê tông cốt thép M250, kích thước (25x55) cm, dưới đá là tầng lọc gồm lớp dăm lọc dày 15cm, lớp cát lọc dày 15cm. Phần mái từ cao trình +22,45m đến đỉnh đập +26,2m gia cố bằng bê tông đổ tại chỗ M250 dày 12cm, cắt khe kích thước (2x1)m, dưới là 2 lớp lọc kết cấu như dưới mái đá lát.

. Mái đập hạ lưu: Trồng cỏ bảo vệ trong hệ thống rãnh thoát nước bê tông M200 kích thước (15x15) cm dày 10 cm, chia ô (5x5)m², rải lớp đất màu dày 10cm phục vụ trồng cỏ, rãnh thoát nước vai đập kết cấu bê tông cốt thép M250, mặt cắt bxh = (40x50) cm.

. Thoát nước thân đập: Hình thức áp mái kết hợp đồng đá tiêu nước hạ lưu, đồng đá mặt cắt hình thang đỉnh rộng 2,0m, cao trình đỉnh +19,8m, mái $m=1,5$, phía trên đồng đá bố trí vật thoát nước áp mái gồm các lớp đá lát 30cm, dăm lọc 15cm, cát lọc 15 cm, cao trình đỉnh vật thoát nước áp mái +21,0m.

+ Tràn xả lũ:

Đập phá toàn bộ tràn cũ, xây dựng mới lại tràn xả lũ tại vị trí cũ bằng bê tông cốt thép M300, hình thức tràn tự do đỉnh rộng, tiêu năng mũi phun; cao trình ngưỡng tràn +23,73m, cao trình mũi phun +18,97m, Chiều rộng ngưỡng tràn 10,5m, trên tràn bố trí cầu giao thông, kết cấu bê tông cốt thép M300. Dốc nước sau tràn dài 30m, gồm 02 đoạn, đoạn thu hẹp từ 10,5 đến 8m dài 10m độ dốc đáy 6%, đoạn dốc đều rộng 8m, độ dốc 20%, mũi phun cuối dốc dài 2m, độ dốc 8,5%.

+ Công lấy nước:

Làm cống mới bên cạnh cống cũ, hình thức cống ngầm chảy có áp dài 82,65m, cao độ đáy ngưỡng vào +17,0m, cao độ đáy ngưỡng ra +16,9m. Kết cấu cống tròn bằng ống thép D400 dày 6mm, bên ngoài bọc bê tông cốt thép M250, điều tiết nước bằng van D400 đặt trong nhà van ở hạ lưu cống.

+ Đường quản lý:

Nâng cấp mở rộng hai tuyến đường vào vai trái đập dài 1,77 km. Kết cấu nền đường rộng 5m, mặt đường rộng 3,5m bằng bê tông M300 đá 1x2, dày 20cm, dưới lót ni long và cấp phối đá dăm dày 15cm, lề mỗi bên 0,75m, bố trí rãnh thoát nước dọc và các công tiêu ngang đường tại các vị trí cần thiết.

+ Bố trí thiết bị quan trắc chuyển vị, thấm, đo mưa, mực nước,... và thực hiện một số nội dung theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

4. Nhà thầu khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh, bổ sung: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi II, Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Thừa Thiên Huế, Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Trí Huy và Công ty Cổ phần Phòng trừ môi Việt Nam.

5. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung: 299.520.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi chín tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng)

ĐVT: đồng

Nội dung	TMĐT được phê duyệt tại Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	TMĐT sau khi điều chỉnh, bổ sung
Chi phí bồi thường, GPMB, tái định cư	7.932.467.000	5.413.638.000
Chi phí xây dựng	216.138.256.000	236.981.993.000
Chi phí quản lý dự án	3.350.143.000	3.673.221.000
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	31.408.762.000	28.926.526.000
Chi phí khác	13.557.778.000	11.707.171.000
Chi phí dự phòng	27.132.594.000	12.817.451.000
Tổng cộng	299.520.000.000	299.520.000.000

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh không thuộc phạm vi điều chỉnh, bổ sung của Quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Thăng Bình, Nông Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN_(Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu